

Số: **130/2022/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2022, giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị Minh L**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà 50, đường Hoàng Quốc Việt, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 86, tổ dân phố 12, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đình M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 50, đường Hoàng Quốc Việt, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Vũ Thị Minh L và ông Nguyễn Đình M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Bà Vũ Thị Minh L và ông Nguyễn Đình M đều xác nhận, vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 07/7/1996, hiện nay đã trưởng thành và tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà Vũ Thị Minh L và ông Nguyễn Đình M đã tự thỏa thuận xong trước khi Toà án tiến hành hoà giải và đề nghị Toà án ghi nhận trong quyết định như sau: Ông Nguyễn Đình M được quyền sử dụng và định đoạt đối với toàn bộ tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: Nhà xây dựng trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 1777171 do UBND thị xã T cấp ngày 19/4/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị M, ngày 18/6/2018 thừa kế sang cho ông Nguyễn Đình M; Các tài sản khác là đồ nội thất, đồ dùng sinh hoạt, xe máy.

Ông Nguyễn Đình M phải có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị Minh L 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- **Về vay nợ:** Bà Vũ Thị Minh L và ông Nguyễn Đình M đều xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí của vụ án:** Bà Vũ Thị Minh L nhận chịu toàn bộ án phí của vụ án là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), bà Vũ Thị Minh L được trả lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000346 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Minh Xuân;
- UBND phường P.
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan